

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

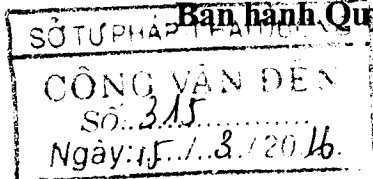
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **03** /2016/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày **14** tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;
Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 02/02/2012 Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 sửa đổi, bổ sung Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 02/02/2012 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương; Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương; Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hải Dương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VP Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn liên quan (do UBND cấp huyện sao gửi);
- TT Công báo, Tin học - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Khanh (70b)h.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

QUY ĐỊNH

Về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 14/3/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, Quốc lộ ủy thác, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Khuyến khích các chủ đầu tư áp dụng quy định này đối với đường chuyên dùng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gồm công trình đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, các công trình phụ trợ khác trên đường bộ phục vụ giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

2. Đất của đường bộ là phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ.

3. Hành lang an toàn đường bộ là dải đất dọc hai bên đất của đường bộ, tính từ mép ngoài đất của đường bộ ra hai bên để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.

4. Nhu cầu cấp thiết về xây dựng (sửa chữa) nhà ở và công trình trên đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm trong hành lang an toàn đường bộ là những cá nhân, hộ gia đình có nhà ở và công trình xây dựng hiện tại đã xuống cấp (kết cấu móng, tường, mái, không còn khả năng chịu lực) có nguy cơ mất an toàn trong quá trình sử dụng; hoặc phần diện tích đất nằm ngoài chỉ giới xây dựng tạm thời trong hành lang an toàn đường bộ lớn hơn 25m².

5. Nhà tạm trong quy định này được hiểu là nhà ở được cấp Giấy phép xây dựng tạm trên đất ở hợp pháp nằm trong hành lang an toàn đường bộ; không được xây dựng tầng hầm, tầng nửa hầm, có số tầng tối đa không quá 01 tầng, không có mái bằng bê tông cốt thép và chiều cao tối đa không quá 4,2m (chưa kể chiều cao phần mái); phải phù hợp với kiến trúc, cảnh quan trong khu vực và tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch, xây dựng; nên sử dụng kết cấu đơn giản và vật liệu nhẹ, dễ tháo dỡ.

6. Chỉ giới xây dựng tạm thời trong hành lang an toàn đường bộ trong quy định này được hiểu là *đường giới hạn cho phép xây dựng nhà ở tạm trên đất hợp pháp nằm trong hành lang an toàn đường bộ.*

Chương II

PHẠM VI QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ

KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Phạm vi quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Phạm vi quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 1, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Các cơ quan quản lý đường bộ khi xác định phạm vi quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải căn cứ cấp kỹ thuật của tuyến đường được quản lý theo quy hoạch:

- Đối với đường tỉnh: Quy định tại Phụ lục 1 Quy định này.
- Đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã: Căn cứ cấp quy hoạch để quy định cho phù hợp.

2. Phạm vi bảo vệ trên không của công trình đường bộ được quy định tại Điều 6, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với công trình thiết yếu được quy định tại Điều 7, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

4. Khoảng cách từ chỉ giới xây dựng tạm thời trong hành lang an toàn đường bộ đến tim đường:

- Đường quy hoạch cấp I: 21,25m.
- Đường quy hoạch cấp II: 16,5m.
- Đường quy hoạch cấp III: 11,0m.
- Đường quy hoạch cấp IV: 9,5m.

Đối với các tuyến đường quy hoạch dưới cấp V, tùy theo tình hình thực tế để xác định chỉ giới xây dựng tạm thời cho phù hợp.

Điều 5. Phân cấp quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Phân cấp quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

a) Sở Giao thông vận tải quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, Quốc lộ ủy thác.

b) UBND cấp huyện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường huyện trên địa bàn quản lý; phối hợp với các cơ quan quản lý đường bộ thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, Quốc lộ trên địa bàn.

c) UBND cấp xã quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường xã; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, Quốc lộ, đường đô thị, đường huyện trên địa bàn.

2. Phân cấp xử lý vi phạm được quy định từ Điều 68 đến Điều 73, Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt và quy định sau đây:

a) Sở Giao thông vận tải xử lý vi phạm trong phạm vi đất của đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, Quốc lộ ủy thác.

b) UBND cấp huyện xử lý vi phạm trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đối với đường tỉnh, Quốc lộ ủy thác và toàn bộ kết cấu hạ tầng giao thông đường huyện, đường đô thị trên địa bàn; phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ xử lý vi phạm trong phạm vi đất của đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, Quốc lộ ủy thác.

c) UBND cấp xã xử lý vi phạm đối với toàn bộ kết cấu hạ tầng giao thông đường xã trên địa bàn; phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ xử lý vi phạm trong phạm vi đất của đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, Quốc lộ ủy thác.

Chương III

SỬ DỤNG, KHAI THÁC VÀ GIẢI QUYẾT TỒN TẠI ĐẤT CỦA ĐƯỜNG BỘ, HÀNH LANG AN TOÀN ĐƯỜNG BỘ

Điều 6. Sử dụng, khai thác đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ

1. Đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ chỉ dành cho xây dựng công trình đường bộ. Các công trình sử dụng, khai thác cho mục đích an toàn giao thông và các công trình thiết yếu quy định tại Khoản 1 Điều 12, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT không bố trí được ngoài phạm vi đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ. Khi xây dựng, phải được cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 Quy định này cấp phép. Nghiêm cấm xây dựng trái phép các loại công trình khác trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Việc sử dụng, khai thác đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại Điều 26 và Điều 28, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và các quy định khác tại Quy định này.

a) Việc xây dựng một số công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ phải bảo đảm khai thác an toàn công trình đường bộ.

b) Dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và các công trình khác phải xây dựng theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và có hệ thống đường gom nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ. Trường hợp đặc biệt do điều kiện địa hình, địa vật khó khăn hoặc không đủ quỹ đất, có thể xem xét cho phép một phần hoặc toàn bộ đường gom nằm trong hành lang an toàn đường bộ. Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống đường gom, không được sử dụng đất dành cho đường bộ để làm công trình phụ trợ, đường đầu nối. Trường hợp cần phải sử dụng đất

dành cho đường bộ để làm đường đầu nối vào đường bộ thì phải thực hiện đúng vị trí điểm đầu nối trong quy hoạch các điểm đầu nối được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Đất hành lang an toàn đường bộ được tạm thời sử dụng vào mục đích nông nghiệp, quảng cáo nhưng phải theo đúng các quy định.

d) Sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ vào mục đích nông nghiệp như nuôi trồng thủy sản, trồng cây lương thực, hoa màu, cây ăn quả. Nghiêm cấm trồng các loại cây có bộ rễ ảnh hưởng tới độ ổn định và bền vững của nền đường.

đ) Các kênh, mương thủy lợi phải cách mép ngoài đất của đường bộ một khoảng cách tối thiểu bằng chiều sâu của mương và mức nước thiết kế an toàn trong kênh, mương thủy lợi không được cao hơn cao độ chân nền đường. Trường hợp hành lang bị chùng lún, khi sửa chữa, cải tạo, nâng cấp kênh, mương thủy lợi trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan quản lý đường bộ chấp thuận.

e) Việc lắp đặt quảng cáo trong hành lang an toàn đường bộ chỉ được thực hiện tạm thời khi điều kiện địa hình bên ngoài hành lang an toàn đường bộ không thực hiện được. Các biển quảng cáo lắp đặt tạm thời trong hành lang an toàn đường bộ không được gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông và phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Biển quảng cáo lắp đặt ngoài hành lang an toàn đường bộ không được gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

f) Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân sửa chữa, coi nói, phát triển thêm hoặc xây dựng mới các công trình nhà ở, kho bãi, nhà máy, xí nghiệp... trong phạm vi đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác

Việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác thực hiện theo quy định tại Điều 12, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và các quy định sau:

1. Công trình thiết yếu đi ngầm qua đường bộ địa phương:

- Đối với công trình đi ngầm qua đường bộ, ưu tiên thi công bằng phương pháp khoan ngầm, trường hợp không thể khoan ngầm mới sử dụng biện pháp đào cắt mặt đường;

- Hạn chế các công trình thiết yếu đặt trong cống thoát nước ngang, chỉ cho phép một số công trình thiết yếu có diện tích chiếm dụng nhỏ (đường ống cấp nước, thông tin liên lạc) đặt trong cống có đường kính $D \geq 1m$, cống hộp tối thiểu $B \times H = 0,8 \times 1,0m$. Chủ đầu tư công trình chịu trách nhiệm nếu xảy ra mất an toàn trong quá trình thi công và khai thác. Trường hợp đi qua các cống kỹ thuật nếu còn đủ không gian thì cho phép chủ công trình thiết yếu lắp đặt trong cống kỹ thuật;

- Trường hợp xây dựng công trình thiết yếu ngang qua đường bộ bằng phương pháp khoan ngầm hoặc đào cắt mặt đường phải đáp ứng các yêu cầu kỹ

thuật sau: Có đường ống hoặc hộp bao bên ngoài bằng vật liệu bền vững đảm bảo ổn định của công trình thiết yếu và phù hợp với tải trọng của đường bộ; khoảng cách từ điểm thấp nhất của mặt đường đến điểm cao nhất của công trình thiết yếu tối thiểu 01 mét nhưng không nhỏ hơn chiều dày kết cấu áo đường (trừ các trường hợp đặc biệt được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận).

2. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác.

a) Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng công trình thiết yếu phải làm hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình gửi đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được thỏa thuận các vấn đề có liên quan. Sau khi thực hiện các điều thỏa thuận, tiến hành làm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công.

b) Thẩm quyền chấp thuận.

Sở Giao thông vận tải Hải Dương chấp thuận đối với:

- Xây dựng công trình thiết yếu có liên quan đến Quốc lộ ủy thác và không thuộc thẩm quyền của Tổng cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

- Dự án công trình thiết yếu trên các tuyến đường tỉnh.

UBND cấp huyện chấp thuận đối với: Các công trình thiết yếu xây dựng trên các tuyến đường huyện, đường đô thị, đường xã.

c) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình thiết yếu có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ; sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng và bảo hành chất lượng các công trình đường bộ bị ảnh hưởng do việc thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công và nhà thầu thi công công trình thiết yếu phải có đủ năng lực hành nghề đối với công trình đường bộ.

d) Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền nghiệm thu hạng mục công trình đường bộ.

đ) Chủ đầu tư công trình thiết yếu nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật công trình thiết yếu vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

e) Chủ sử dụng, kinh doanh, khai thác công trình thiết yếu chịu trách nhiệm bảo trì công trình thiết yếu; việc bảo dưỡng thường xuyên công trình thiết yếu không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông, tai nạn lao động; khi sửa chữa định kỳ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững công trình đường bộ phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 18 Quy định này.

Điều 8. Xây dựng công trình thiết yếu trên các tuyến đường được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo

1. Khi lập dự án xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc nắn chỉnh tuyến, xây dựng tuyến tránh, chủ đầu tư dự án phải:

a) Gửi thông báo đến các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan về thông tin cơ bản của dự án (như cấp kỹ thuật, quy mô, hướng tuyến, mặt cắt ngang, thời gian dự kiến khởi công và hoàn thành) để các tổ chức có nhu cầu xây dựng các công trình thiết yếu được biết về dự án xây dựng tuyến đường;

b) Tổng hợp nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của dự án và báo cáo về cấp quyết định đầu tư để được xem xét các vấn đề có liên quan. Đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình thiết yếu;

c) Căn cứ ý kiến của cấp quyết định đầu tư, chủ đầu tư dự án đường bộ thông báo cho tổ chức có công trình thiết yếu biết việc xây dựng hợp kỹ thuật hoặc việc thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu có liên quan đến dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo phải:

a) Gửi văn bản đề nghị (kèm theo yêu cầu thiết kế kỹ thuật của hạng mục công trình thiết yếu sẽ xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến chủ đầu tư dự án xây dựng công trình);

b) Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình khi xây dựng công trình thiết yếu và đồng bộ với quá trình thi công dự án đường bộ.

3. Khi có nhu cầu thi công, lắp đặt công trình thiết yếu trong hợp kỹ thuật của công trình đường tỉnh đã được xây dựng, chủ đầu tư dự án có công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 18 Quy định này để được cấp giấy phép thi công và chi trả kinh phí thuê hợp kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

4. Mọi chi phí phát sinh để thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường tỉnh khi xây dựng công trình thiết yếu gây ra do chủ đầu tư công trình thiết yếu chi trả.

Điều 9. Xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đang khai thác

Việc chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đang khai thác thực hiện theo quy định tại Điều 16, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

1. Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ, tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Cá nhân, tổ chức được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra.

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo, tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối thiểu bằng 1,3 (một phẩy ba) lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 05 (năm) mét.

3. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Nếu giới hạn này bị vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo.

4. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong hành lang an toàn đường bộ có liên quan đến bảo đảm an toàn giao thông:

Sở Giao thông vận tải chấp thuận và cấp phép xây dựng biển quảng cáo đối với đường tỉnh. Đối với Quốc lộ ủy thác chỉ được cấp phép sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

UBND cấp huyện chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã.

5. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận xây dựng, thủ tục cấp phép thi công thực hiện như đối với công trình thiết yếu theo quy định tại Khoản 4, Điều 18 quy định này.

Điều 10. Xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ đối với đường đang khai thác

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ (trừ dự án do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền tại Điều 5 Quy định này là cấp quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư), chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết.

2. Chủ đầu tư thi công công trình đường bộ trên đường đang khai thác phải đề nghị cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quản lý tuyến đường quy định Điều 5 Quy định này cấp giấy phép thi công bảo đảm an toàn giao thông.

3. Đối với các dự án nâng cấp, cải tạo trên đường tỉnh đang khai thác do Sở Giao thông vận tải là chủ đầu tư, không phải đề nghị cấp giấy phép thi công; nhưng trước khi thi công, Ban Quản lý dự án phải gửi đến Sở Giao thông vận tải hồ sơ có liên quan gồm: Quyết định duyệt dự án, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt kê cả phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông để xem xét, thỏa thuận bằng văn bản về thời gian thi công, biện pháp tổ chức bảo đảm an toàn giao thông khi thi công.

4. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ không phải đề nghị cấp giấy phép thi công nhưng phải nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ. Riêng đối với công trình sửa chữa định kỳ, nhà thầu tổ chức thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

5. Đối với đường bộ do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý, bảo trì, Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định để phù hợp với pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

Điều 11. Đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ

Đường nhánh đầu nối vào Quốc lộ được quy định tại Điều 20 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT. Vị trí đầu nối cụ thể thực hiện theo quy hoạch các điểm đầu nối với các Quốc lộ qua địa bàn tỉnh Hải Dương đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt.

Điều 12. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh

1. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh.

a) Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh bao gồm các loại:

- Đường huyện, đường xã, đường đô thị;
- Đường chuyên dùng, đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp, đường nối trực tiếp từ công trình đơn lẻ;
- Đường dẫn ra, vào trạm dừng nghỉ, cửa hàng xăng dầu;
- Đường gom, đường nối từ đường gom.

b) Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải thông qua điểm đầu nối thuộc quy hoạch các điểm đầu nối với đường tỉnh đã được UBND cấp huyện phê duyệt, sau khi có văn bản thỏa thuận của Sở Giao thông vận tải.

UBND cấp huyện có trách nhiệm thống kê các đường nhánh đã đầu nối với đường tỉnh và lập kế hoạch xử lý phù hợp với quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt.

Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh trong phạm vi đô thị thực hiện theo quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề vào đường tỉnh.

Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề cùng phía của đường nhánh vào đường tỉnh được thực hiện như sau:

- Trong khu vực nội thành, nội thị các đô thị: Khoảng cách giữa các điểm đầu nối xác định theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng không nhỏ hơn 500m;

- Ngoài khu vực nội thành, nội thị các đô thị:

+ Đối với tuyến đường xây dựng mới, khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề cùng phía được xác định theo cấp quy hoạch của đường tỉnh. Cụ thể là: Đối với đường cấp I, cấp II: Không nhỏ hơn 2500m; đối với đường cấp III: Không nhỏ hơn 1500m; đối với đường cấp IV trở xuống không nhỏ hơn 1.000m.

+ Đối với đường hiện có, khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề cùng phía được xác định theo cấp quy hoạch của đường tỉnh. Cụ thể là: Đối với đường cấp I, cấp II: Không nhỏ hơn 2000m; đối với đường cấp III, IV và dưới cấp IV: Không nhỏ hơn 1.000m.

+ Đối với các đoạn tuyến đường tỉnh có dải phân cách giữa (phương tiện qua nút giao chỉ rẽ phải), có đủ quỹ đất để xây dựng làn chuyển tốc, khoảng cách tối thiểu giữa các điểm đầu nối liền kề dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến dọc đường tỉnh. Đối với đường cấp I, cấp II: Không nhỏ hơn 2000m; đối với đường cấp III: Không nhỏ hơn 1000m.

+ Đối với các đoạn tuyến đường tỉnh đi qua khu vực có địa hình mà hành lang an toàn đường bộ bị chia cắt như núi cao, vực sâu, sông, suối và các chướng ngại vật khác không thể di dời được, khoảng cách giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh tùy thuộc vào địa hình và điều kiện thực tế sẽ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét chấp thuận.

d) Việc thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải thực hiện theo quy định về thiết kế nút giao tại Tiêu chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế đường ô tô.

đ) Đầu nối đường nhánh vào dự án đường tỉnh được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo nấn chỉnh tuyến hoặc xây dựng tuyến tránh.

- Ngay từ bước lập dự án, chủ đầu tư đường tỉnh phải căn cứ Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố có dự án đi qua để xác định các nút giao (nút giao khác mức liên thông hoặc trực thông, nút giao đồng mức) giữa các tuyến đường bộ hiện có với dự án đường tỉnh được xây dựng, xác định vị trí vào các trạm dịch vụ theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô; đồng thời gửi phương án thiết kế tuyến đến UBND cấp huyện xin ý kiến để điều chỉnh cho phù hợp.

- Căn cứ phương án thiết kế tuyến của dự án đường tỉnh, UBND cấp huyện lập danh mục các điểm đầu nối (kể cả cửa hàng xăng dầu) theo quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến đường và gửi đến Sở Giao thông vận tải để được thỏa thuận các vấn đề có liên quan; căn cứ ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật tuyến đường.

e) Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh đang khai thác: UBND cấp huyện căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh và của địa phương để lập quy hoạch các điểm đầu nối, thỏa thuận với Sở Giao thông vận tải và phê duyệt quy hoạch để triển khai thực hiện. Sở Giao thông vận tải chỉ cấp phép đầu nối các vị trí nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt.

f) Chủ đầu tư công trình được giao sử dụng điểm đầu nối thuộc quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối vào đường tỉnh để cấp phép thi công.

g) Đầu nối đường gom vào đường tỉnh.

Các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại - dịch vụ hoặc các dự án khác xây dựng dọc đường bộ phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và phải có đường gom nối từ dự án vào các đường nhánh; Trường hợp không có đường nhánh, được đầu nối trực tiếp đường gom vào đường tỉnh nhưng phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh.

Trường hợp đặc biệt do điều kiện địa hình, địa vật khó khăn hoặc không đủ quỹ đất, có thể xem xét cho phép một phần hoặc toàn bộ đường gom nằm trong hành lang an toàn đường tỉnh. UBND tỉnh quyết định đối với hệ thống đường gom đường tỉnh, trên cơ sở đề xuất của UBND cấp huyện và ý kiến thẩm định của Sở Giao thông vận tải.

h) Trong trường hợp đặc biệt tại những vị trí đầu nối thuộc đoạn tuyến không đủ điều kiện làm đường gom, chủ đầu tư dự án báo cáo Sở giao thông vận tải chấp thuận cho phép đầu nối trực tiếp với đường tỉnh. Thiết kế nút giao đầu nối phải có giải pháp mở rộng mặt đường bắt buộc phải thiết kế làn chuyên tốc tại khu vực đầu nối và bố trí đầy đủ hệ thống báo hiệu.

2. Vị trí các cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

Khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề (tính từ điểm giữa của cửa hàng) đầu nối đường dẫn ra vào với đường tỉnh vừa phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối được quy định tại Khoản 1, Điều này, đồng thời phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu như sau:

a) Trong khu vực nội thành, nội thị: Khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên đường không nhỏ hơn 1000m.

b) Ngoài khu vực nội thành, nội thị các đô thị:

- Đối với đường có dải phân cách giữa (phương tiện qua nút giao chỉ rẽ phải), có đủ quỹ đất xây dựng làn chuyên tốc, khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề cùng phía dọc mỗi bên của đường tỉnh không nhỏ hơn 3000m.

- Đối với tuyến đường không có dải phân cách giữa, khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên của đường tỉnh không nhỏ hơn 4000m.

3. Đối với công trình nhà ở được xây dựng mới không được phép đầu nối trực tiếp vào đường tỉnh mà phải thông qua đường gom và điểm đầu nối đã được phê duyệt; các đường đầu nối từ nhà ở vào đường tỉnh đã có từ trước phải xoá bỏ dần và thay thế bằng đường gom theo quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt. Riêng đối với các khu vực đô thị, việc đầu nối được thực hiện theo quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 13. Quy hoạch các điểm đầu nối vào đường huyện, đường đô thị

Đối với các điểm đầu nối vào đường huyện, đường đô thị: Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, căn cứ vào khoảng cách điểm đầu nối vào đường tỉnh được quy định tại Điều 12 và cấp đường quy hoạch, UBND cấp huyện có trách nhiệm xây dựng quy hoạch các điểm đầu nối cho phù hợp. Trước khi UBND cấp huyện phê duyệt phải có văn bản thẩm định của Sở Giao thông vận tải về bảo đảm trật tự an toàn giao thông và sự phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh.

Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định phê duyệt quy hoạch các điểm đầu nối với đường huyện, đường đô thị và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh

Quy hoạch các điểm đầu nối bao gồm việc xác định vị trí và hình thức giao cắt giữa đường tỉnh với đường nhánh để xây dựng các nút giao thông và phương án tổ chức giao thông nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ. UBND cấp huyện có trách nhiệm giao cho đơn vị tư vấn có đủ năng lực xây dựng quy hoạch các điểm đầu nối trước khi thoả thuận với Sở Giao thông vận tải. Nội dung của công tác quy hoạch các điểm đầu nối như sau:

1. Thu thập thông tin về cấp kỹ thuật hiện tại và cấp kỹ thuật theo quy hoạch của đường tỉnh cần đầu nối.

2. Khảo sát, thống kê

a) Các đường nhánh hiện có theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 12 Quy định này. Xác định các điểm đầu nối đường nhánh đã được và chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép; các vị trí điểm đầu nối phù hợp với quy định về nút giao thông của Tiêu chuẩn hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô.

b) Thống kê các đoạn tuyến đường tỉnh trong đô thị, ngoài đô thị; tổng hợp các đoạn tuyến không đủ quỹ đất để xây dựng đường gom, các công trình và điều kiện địa hình cản trở việc xây dựng đường gom liên tục theo chiều dài đường tỉnh.

c) Các đường nhánh có mặt cắt ngang nhỏ hơn hoặc bằng 2,5m (hai mét năm mươi) đã đầu nối tự phát vào đường tỉnh trước ngày Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05/11/2004 có hiệu lực, chỉ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ, chưa có nhu cầu cải tạo, mở rộng điểm đầu nối vào đường tỉnh để có lộ trình xóa bỏ phù hợp quy định.

d) Cửa hàng xăng dầu đã xây dựng theo quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; trong đó, phân loại cửa hàng xăng dầu đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép và không cho phép sử dụng hành lang an toàn đường bộ để làm đường dẫn ra, vào.

Trường hợp địa phương chưa có quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu, cơ quan được giao nhiệm vụ quy hoạch các điểm đầu nối phối hợp với Sở Công thương lập quy hoạch các điểm đầu nối trong đó có điểm đầu nối là đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu.

3. Tổng hợp ý kiến thẩm định của các cơ quan chức năng địa phương về một số nội dung như: Sự phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch về sử dụng đất, đặc biệt là quy hoạch đất xây dựng đường gom; quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu có liên quan đến việc khai thác sử dụng các điểm đầu nối.

4. Quy hoạch các điểm đầu nối của mỗi tuyến đường tỉnh được lập thành bộ hồ sơ riêng để thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý. Nội dung bộ hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối gồm:

a) Thuyết minh quy hoạch các điểm đầu nối:

- Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực hai bên đường tỉnh được quy hoạch các điểm đầu nối;

- Hiện trạng của tuyến đường tỉnh: Cấp đường, điểm đầu, điểm cuối; các vị trí đặc biệt (như khu vực nội thành, nội thị, cầu lớn, hầm đường bộ, điểm giao cắt với đường sắt); tình hình sử dụng hành lang an toàn đường bộ và an toàn giao thông trên đoạn tuyến; các thông tin về quy hoạch của tuyến đường;

- Bản giải trình lý do các đường gom nằm trong hành lang an toàn đường bộ; lý do các điểm đầu nối trong quy hoạch nhưng không đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối theo quy định;

- Quy hoạch hệ thống các cửa hàng xăng dầu trên địa bàn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);

- Quy hoạch phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc các đô thị có đường tỉnh đi qua (nếu có);

- Ý kiến của Sở Giao thông vận tải trực tiếp quản lý đường tỉnh đối với nội dung của quy hoạch các điểm đầu nối.

b) Bảng quy hoạch các điểm đầu nối:

- Bảng tổng hợp một số nội dung cơ bản về hiện trạng và quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh;

- Bình đồ thể hiện các nội dung của bảng tổng hợp quy hoạch các điểm đầu nối.

5. Thỏa thuận quy hoạch các điểm đầu nối

Sở Giao thông vận tải nghiên cứu hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối của Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét thỏa thuận quy hoạch các điểm đầu nối; UBND cấp huyện gửi văn bản đề nghị thỏa thuận kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối (cả File điện tử của hồ sơ quy hoạch) về Sở Giao thông vận tải.

6. Kinh phí lập quy hoạch các điểm đầu nối áp dụng định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và các sản phẩm chủ yếu theo quy định của pháp luật.

Sở Giao thông vận tải chỉ cấp phép thi công đối với các trường hợp nằm trong quy hoạch đầu nối đã được UBND cấp huyện phê duyệt.

Điều 15. Phê duyệt và thực hiện quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh

1. Căn cứ văn bản thỏa thuận của Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện phê duyệt quy hoạch các điểm đầu nối, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch; gửi hồ sơ quy hoạch đầu nối đã được phê duyệt về Sở Giao thông vận tải để phối hợp thực hiện.

2. Khi cần xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng điểm đầu nối có trong quy hoạch, căn cứ văn bản cho phép sử dụng điểm đầu nối của Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân sử dụng điểm đầu nối lập hồ sơ theo quy định tại Điều 16, Điều 18 Quy định này để được giải quyết.

3. Sau khi xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng các điểm đầu nối theo quy hoạch các điểm đầu nối được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xóa bỏ các điểm không đảm bảo khoảng cách tối thiểu ở lân cận điểm đầu nối đó.

4. Khi cần điều chỉnh quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối điều chỉnh về Sở Giao thông vận tải để xem xét, chấp thuận trước khi quyết định phê duyệt điều chỉnh.

5. Nút giao đầu nối vào đường tỉnh đang khai thác chỉ được thi công sau khi đã được Sở Giao thông vận tải chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông theo quy định và có giấy phép thi công do Sở Giao thông vận tải cấp.

Điều 16. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào đường bộ

1. Việc chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào Quốc lộ được thực hiện như quy định tại Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

2. Việc chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương: Chủ công trình, dự án được giao sử dụng điểm đầu nối thuộc quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt, căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, lập và gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối với đường bộ. Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT hoặc công văn có đầy đủ thông tin như mẫu đơn (bản chính);

- Quy hoạch các điểm đầu nối vào đường bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cho phép đầu nối đường nhánh vào đường bộ đối với các trường hợp tuyến đường chưa có Quy hoạch các điểm đầu nối được phê duyệt (bản sao);

- Văn bản của UBND cấp có thẩm quyền giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chưa xác định rõ chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao (bản chính);

- Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông do tổ chức tư vấn có đủ năng lực lập (bản chính).

Thời hạn giải quyết trong 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Thẩm quyền chấp thuận:

Sở Giao thông vận tải Hải Dương chấp thuận đối với:

- Điểm đầu nối với Quốc lộ liên quan đến đường cấp IV trở xuống được giao quản lý.

- Điểm đầu nối với các tuyến đường tỉnh.

UBND cấp huyện chấp thuận đối với: Điểm đầu nối với các tuyến đường huyện, đường đô thị.

4. Đối với các dự án đường bộ xây dựng mới có đầu nối vào đường tỉnh, Quốc lộ ủy thác đã được Sở Giao thông vận tải phê duyệt thiết kế kỹ thuật, không phải thực hiện bước đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông.

5. Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao có giá trị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ban hành, nếu quá 12 tháng, chủ đầu tư dự án làm thủ tục gia hạn. Thủ tục gia hạn quy định như sau:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (bản chính);
 - + Số lượng: 01 bộ.
- Thời gian giải quyết: trong 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định;
- Thời gian gia hạn: chỉ gia hạn một (01) lần với thời gian không quá 12 tháng.
- Thẩm quyền gia hạn: Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thì có thẩm quyền gia hạn văn bản chấp thuận tương ứng.
- Trình tự thực hiện, cách thức thực hiện như Khoản 2, Khoản 3, Điều 18 quy định này.

6. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

7. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ đồng thời nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công về cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

8. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải thực hiện nghiêm công tác đảm bảo an toàn giao thông và chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông.

Điều 17. Đấu nối tạm có thời hạn vào đường bộ đang khai thác

1. Đấu nối tạm thời có thời hạn vào Quốc lộ được thực hiện như quy định tại Điều 28 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

2. Đấu nối tạm thời có thời hạn vào đường địa phương: Đối với dự án, công trình xây dựng do điều kiện địa hình trong khu vực khó khăn, hoặc điều kiện kỹ thuật của thiết bị, để làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị máy móc. Chủ công trình, dự án phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền xem xét chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông của điểm đấu nối vào đường bộ và thi công xong phải có trách nhiệm hoàn trả nguyên trạng hành lang ban đầu. Thành phần hồ sơ chấp thuận gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận đấu nối tạm thời nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đấu nối, thời gian sử dụng điểm đấu nối tạm;
- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền, các tài liệu liên quan khác (nếu có);
- Bản vẽ bình đồ đoạn tuyến có điểm đấu nối tạm thời và phương án tổ chức giao thông của nút giao.

Thời hạn giải quyết trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp không chấp thuận đấu nối tạm thời phải trả lời bằng văn bản.

3. Thời hạn sử dụng điểm đầu nối tạm bằng tiến độ thi công của dự án nhưng không quá 12 tháng, trường hợp đặc biệt có thể gia hạn một lần nhưng tổng thời gian mở điểm đầu nối tạm không quá 24 tháng. Sau thời hạn này, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm xóa bỏ điểm đầu nối tạm và hoàn trả hành lang an toàn đường bộ như ban đầu và thực hiện đầu nối theo đúng quy hoạch được duyệt.

Trường hợp dự án, công trình có tiến độ thi công lớn hơn 24 tháng, phải làm đường gom nối từ dự án đến nút giao điểm đầu nối gần nhất có trong quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt.

Việc chấp thuận thiết kế điểm đầu nối tạm thực hiện theo quy định tại Điều 16, việc cấp phép thi công điểm đầu nối tạm thời thực hiện như Khoản 7, 8 Điều 18 quy định này.

Điều 18. Quy định về chấp thuận và cấp phép thi công

1. Những yêu cầu khi đề nghị cấp giấy phép thi công

a) Đối với trường hợp đường nhánh xây dựng mới đầu nối trực tiếp vào đường chính hiện có thì điểm nối phải được cơ quan quản lý nhà nước về đường bộ có thẩm quyền thoả thuận bằng văn bản ngay từ khi lập dự án và thiết kế phải bảo đảm các tiêu chuẩn về kỹ thuật, an toàn và phải có báo cáo thẩm định an toàn giao thông đường bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với trường hợp xây dựng các công trình ngầm trong phạm vi đất dành cho đường bộ phải tuân thủ các quy định sau:

- Lập và duyệt dự án, thiết kế hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng;

- Phải được cơ quan quản lý nhà nước về đường bộ có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản ngay từ khi lập dự án và chấp thuận hồ sơ thiết kế trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

c) Đối với công trình thi công cải tạo, nâng cấp công trình đường bộ theo các dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Phải có báo cáo thẩm định an toàn giao thông đường bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trình tự thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cho cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

b) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả. Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận hoặc cấp giấy phép thi công. Trường hợp không chấp thuận hoặc không cấp phép, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

4. Quy định cụ thể về chấp thuận và cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác.

a) Hồ sơ đề nghị chấp thuận gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT hoặc công văn có đầy đủ thông tin như mẫu đơn (bản chính);

- Hồ sơ thiết kế, trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình (bản chính). Nếu hồ sơ thiết kế là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác, phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao);

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

b) Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu có giá trị trong thời gian 18 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá 18 tháng, chưa thực hiện thủ tục cấp giấy phép để triển khai thi công thì phải thực hiện thủ tục gia hạn. Thủ tục gia hạn quy định như sau:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT hoặc công văn có đầy đủ thông tin như mẫu đơn (bản chính).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

- Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

- Thời gian gia hạn: Chỉ gia hạn một lần với thời gian không quá 12 tháng;

- Thẩm quyền gia hạn: Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thì có thẩm quyền gia hạn văn bản chấp thuận tương ứng.

c) Hồ sơ cấp phép thi công.

Sau khi có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, chủ đầu tư công trình thiết yếu phải:

- Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;

- Tổ chức thẩm định hồ sơ thiết kế công trình theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng công trình;

- Phê duyệt dự án xây dựng công trình theo quy định hiện hành;

- Gửi hồ sơ theo quy định đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền đề nghị cấp phép thi công công trình. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công gồm:

+ Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT hoặc công văn có đầy đủ thông tin như mẫu đơn (bản chính);

+ Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao);

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

5. Quy định cụ thể về chấp thuận và cấp giấy phép lắp đặt biển quảng cáo tạm thời: Cá nhân, tổ chức lắp đặt biển quảng cáo phải làm hồ sơ đề nghị chấp thuận và hồ sơ đề nghị cấp phép thi công gửi cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền như đối với công trình thiết yếu.

6. Quy định cụ thể về chấp thuận và cấp giấy phép xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ.

a) Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ (trừ các dự án do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quy định tại Điều 5 là chủ đầu tư), chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được xem xét giải quyết. Cụ thể như sau:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT hoặc công văn có đầy đủ thông tin như mẫu đơn (bản chính).

+ Hồ sơ thiết kế, trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình (bản chính);

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

b) Trước khi triển khai thi công công trình, chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình trên đường bộ đang khai thác phải đề nghị cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp giấy phép thi công bảo đảm an toàn giao thông, cụ thể như sau:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT hoặc công văn có đầy đủ thông tin như mẫu đơn (bản chính);

+ Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao);

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

7. Quy định cụ thể về cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối vào đường bộ.

- Sau khi có văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao phải thực hiện các thủ tục dưới đây để đảm bảo công trình nút giao được phê duyệt thiết kế và triển khai thi công:

- Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao, biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông theo ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;

- Thẩm định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ thiết kế công trình theo quy định;

- Phê duyệt dự án, công trình nút giao theo quy định hiện hành.

- Gửi hồ sơ theo quy định đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền đề nghị cấp phép thi công công trình.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT hoặc công văn có đầy đủ thông tin như mẫu đơn (bản chính);

+ Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao);

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công nút giao trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

- Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều này.

8. Khi hết thời gian được cấp phép nhưng vẫn chưa thi công xong công trình trong phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ, chủ đầu tư công trình phải thực hiện thủ tục gia hạn giấy phép thi công. Thủ tục gia hạn quy định như sau:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư công trình;

+ Giấy phép thi công đã được cấp (bản sao).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

- Thời gian giải quyết: 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
- Thẩm quyền gia hạn: Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công thì có thẩm quyền gia hạn giấy phép thi công tương ứng.
- Thời gian thi công gia hạn không được vượt quá 1/2 thời gian đã ghi trong giấy phép và chỉ được gia hạn một lần, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định.

9. Cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ; gửi văn bản thoả thuận, giấy phép thi công về đơn vị quản lý đường bộ (để cập nhật thông tin bổ sung vào hồ sơ quản lý), Thanh tra giao thông để theo dõi, giám sát và xử lý khi có vi phạm xảy ra theo quy định của pháp luật.

10. Quy định cụ thể về thoả thuận quy hoạch các điểm đầu nối với đường tỉnh.

UBND cấp huyện có trách nhiệm lập hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối với mỗi tuyến đường tỉnh, trước khi phê duyệt, UBND cấp huyện gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để thoả thuận.

- Thành phần hồ sơ đề nghị thoả thuận gồm:

+ Văn bản đề nghị thoả thuận.

+ Hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối theo Khoản 4, Điều 14 Quy định này.

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

- Thời gian giải quyết: 15 ngày.

Điều 19. Giải quyết các tồn tại về sử dụng hành lang an toàn đường bộ

Đối với các tồn tại về sử dụng hành lang an toàn đường bộ Quốc lộ ủy thác thực hiện theo quy định tại Điều 29, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Đối với các tồn tại về sử dụng hành lang an toàn đường bộ địa phương thực hiện như sau:

1. Đối với đường dân sinh đầu nối tự phát vào đường bộ.

Đối với đường dân sinh đầu nối tự phát vào đường địa phương trước ngày Nghị định số 186/2004/NĐ-CP có hiệu lực và chỉ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ có mặt cắt ngang nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 m (hai mét năm mươi), trong khi chưa xây dựng được đường gom, cho phép tồn tại và giữ nguyên hiện trạng đến hết ngày 31/12/2020.

2. Đối với cửa hàng xăng dầu.

a) Các cửa hàng xăng dầu đã đầu nối vào đường địa phương theo chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, nếu không đủ khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối theo quy định này, được tiếp tục tồn tại nhưng cơ quan đã chấp thuận cho phép đầu nối phải hoàn thành hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh hoặc xoá bỏ theo quy hoạch đến hết ngày 31/12/2020.

b) Các cửa hàng xăng dầu xây dựng tự phát, đầu nối trái phép hoặc nằm trong hành lang an toàn đường bộ địa phương, quy mô không đảm bảo, hiện đang tồn tại dọc hai bên đường bộ, UBND cấp huyện chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Công trình nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ nhưng chưa ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ được tạm thời tồn tại nhưng phải giữ nguyên hiện trạng không được coi nới, mở rộng; người sử dụng đất phải ký cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị trực tiếp quản lý tuyến đường về việc không coi nới, mở rộng. Trường hợp công trình bị xuống cấp, chưa được nhà nước đền bù, giải tỏa và người sử dụng có nhu cầu để sử dụng, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan quản lý tuyến đường kiểm kê đất, tài sản trên đất để có cơ sở đền bù hoặc thống nhất phương án sửa chữa.

4. Trường hợp đất ở hợp pháp nằm trong hành lang an toàn giao thông nếu có nhu cầu cấp thiết về nhà ở hoặc sửa chữa nhà ở đã xuống cấp thì được xem xét cho phép sửa chữa hoặc xây dựng nhà tạm. Vị trí xây dựng phải đảm bảo theo quy định về chỉ giới xây dựng tạm thời được quy định tại Điều 4 Quyết định này. Khi có dự án cải tạo, nâng cấp đường, chủ sử dụng công trình phải tổ chức tháo dỡ và được bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Việc cấp phép cho các hộ dân có nhu cầu xây dựng trong trường hợp trên thực hiện theo quy định về cấp phép xây dựng tạm tại Điều 9, Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ.

5. Trường hợp sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất và giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với đất và tài sản gắn liền với đất đã có trước khi hành lang an toàn đường bộ được công bố.

6. Trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ, kiên quyết giải tỏa, không bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân vi phạm.

7. Đối với các kênh, mương thủy lợi hiện có nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải giữ nguyên hiện trạng. Trường hợp cần sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, chủ đầu tư, chủ sở hữu phải đề nghị cơ quan quản lý đường bộ chấp thuận, cấp phép.

Điều 20. Cơ sở giải quyết việc đền bù, giải tỏa khi bắt buộc di dời các công trình tồn tại trong hành lang an toàn đường bộ

Thực hiện theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, Luật Đất đai, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai, mốc thời gian xây dựng công trình nằm trong hành lang an toàn đường bộ. Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện chỉ đạo các đơn vị quản lý đường bộ trực thuộc phối hợp với UBND cấp xã căn cứ tài liệu điều tra, lưu trữ để lập bình đồ duỗi thẳng thể hiện vị trí, thời gian xây dựng, quy mô các công trình nằm trong đất hành lang an toàn giao thông quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP theo các mốc thời gian sau đây:

1. Công trình xây dựng trước ngày 21/12/1982 là thời gian chưa có quy định cụ thể về hành lang an toàn đường bộ.

2. Công trình xây dựng từ ngày 21/12/1982 đến trước ngày 01/01/2000 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang bảo vệ đường bộ theo Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

3. Công trình xây dựng từ ngày 01/01/2000 đến trước ngày 30/11/2004 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang bảo vệ đường bộ theo Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07/12/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường bộ.

4. Công trình xây dựng từ ngày 30/11/2004 đến trước ngày 15/4/2010 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang an toàn theo Nghị định số 186/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Công trình xây dựng từ ngày 15/4/2010 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang an toàn theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Công trình xây dựng từ ngày 20 tháng 10 năm 2013 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang an toàn theo Nghị định số 100/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương IV

BẢO ĐẢM GIAO THÔNG VÀ AN TOÀN GIAO THÔNG KHI THI CÔNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐANG KHAI THÁC

Điều 21. Các nguyên tắc thi công công trình trên phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Việc thi công các công trình trên đường bộ đang khai thác chỉ được tiến hành khi đã có giấy phép thi công của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền; khi thi công xong phải hoàn trả phần đường bộ, phần hành lang an toàn đường bộ theo đúng nguyên trạng; đối với công trình ngầm phải lập hồ sơ hoàn công và chuyển cho đơn vị quản lý đường bộ.

2. Khi Nhà nước cần giải tỏa để xây dựng công trình công cộng, mở rộng nâng cấp công trình đường bộ trong phạm vi đã lắp đặt công trình thì chủ sở hữu hoặc chủ đầu tư công trình phải có trách nhiệm di chuyển và giao trả mặt bằng đúng tiến độ, thời gian yêu cầu và chịu mọi chi phí trong việc di chuyển công trình.

3. Nghiêm cấm mọi hành vi thi công các công trình trên đường bộ khai thác làm thay đổi kết cấu ban đầu của công trình đường bộ và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; để vật liệu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị; trộn bê tông, trộn vữa trực tiếp trên lòng đường, vỉa hè.

Điều 22. Nhận bàn giao mặt bằng, hiện trường và biện pháp, thời gian thi công

1. Nhận bàn giao mặt bằng, hiện trường để thi công.

a) Tổ chức, cá nhân đã được cấp phép thi công hoặc có văn bản thỏa thuận thi công phải làm thủ tục nhận bàn giao hiện trường, mặt bằng để thi công với đơn vị quản lý đường bộ.

b) Tổ chức, cá nhân thi công phải chịu trách nhiệm quản lý và bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn; đồng thời, chịu mọi trách nhiệm nếu không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông để xảy ra tai nạn giao thông kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, hiện trường.

2. Biện pháp và thời gian thi công.

a) Trong suốt quá trình thi công, tổ chức, cá nhân phải thực hiện đúng biện pháp, thời gian thi công đã được thống nhất, phải bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định và không được gây hư hại các công trình đường bộ hiện có. Trong trường hợp không thể tránh được, phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền về biện pháp bảo vệ hoặc tạm thời tháo dỡ, di dời và thi công hoàn trả hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

b) Bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công công trình đường bộ trên đường bộ đang khai thác là hạng mục công việc trong thiết kế tổ chức thi công và là một phần kinh phí của gói thầu.

c) Tổ chức, cá nhân thi công phải chịu sự kiểm tra của đơn vị quản lý đường bộ và Thanh tra giao thông trong việc thực hiện các quy định bảo đảm an toàn giao thông khi thi công tại Quy định này và trong giấy phép thi công đồng thời chịu mọi trách nhiệm về sự mất an toàn giao thông do thi công gây ra.

Điều 23. Thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Tổ chức, cá nhân thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ ngoài việc thực hiện các quy định có liên quan tại Quy định này còn phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Không để vật liệu, xe máy thi công che khuất tầm nhìn của người tham gia giao thông trên đường bộ đang khai thác;

b) Không để khói, bụi gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường bộ đang khai thác;

c) Khi thi công lắp đặt các thiết bị có độ dài, kích thước lớn, phải có biện pháp bảo đảm an toàn không được để rơi, đổ vào đường bộ đang khai thác;

d) Có biện pháp thi công để không ảnh hưởng đến kết cấu và an toàn của công trình đường bộ hiện có. Trường hợp gây ảnh hưởng, phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền về biện pháp bảo vệ hoặc tạm thời tháo dỡ, di dời và thi công hoàn trả hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Nghiêm cấm việc san, đắp, ủi đất trong phạm vi đất dành cho đường bộ mà không phục vụ việc thi công công trình hợp pháp.

Điều 24. Đường tránh, cầu tạm, hệ thống báo hiệu đường bộ, quy định đối với người cảnh giới, biển hiệu, phù hiệu, trang phục khi thi công, xe máy thi công và vật liệu thi công

1. Đường tránh, cầu tạm và hệ thống báo hiệu đường bộ.

a) Khi thi công cầu mới nếu tiếp tục sử dụng cầu cũ để thông xe, đơn vị thi công cầu mới phải chịu trách nhiệm đảm bảo giao thông an toàn và thông suốt trên cầu cũ cho đến khi cầu mới được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

b) Đường tránh, cầu tạm và hệ thống báo hiệu đường bộ bảo đảm an toàn giao thông phải được hoàn thành trước khi thi công công trình chính. Đường tránh, cầu tạm phải bảo đảm cho các loại phương tiện giao thông có tải trọng và kích cỡ mà đường cũ đã cho phép qua lại an toàn. Đường tránh, cầu tạm tại Quốc lộ có tiêu chuẩn kỹ thuật từ cấp III trở lên phải có ít nhất 02 (hai) làn xe. Hệ thống báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông phải được hoàn thành trước khi thi công công trình chính theo đúng quy định của Quy chuẩn, tiêu chuẩn báo hiệu đường bộ hiện hành.

2. Quy định đối với người cảnh giới, biển hiệu, phù hiệu, trang phục khi thi công, xe máy thi công và vật liệu thi công.

a) Trong suốt thời gian thi công nhất thiết phải có người cảnh giới, hướng dẫn giao thông; khi ngừng thi công phải có báo hiệu an toàn theo quy định như: biển chỉ dẫn, cờ và đèn đỏ vào ban đêm. Người cảnh giới hướng dẫn giao thông phải đeo băng đỏ bên cánh tay trái, được trang bị cờ, còi và đèn vào ban đêm.

b) Tổ chức, cá nhân thi công phải có biển hiệu ở hai đầu đoạn đường thi công ghi rõ tên của cơ quan quản lý dự án hoặc chủ quản; tên đơn vị thi công, lý trình thi công, địa chỉ văn phòng công trường, số điện thoại liên hệ và tên của người chỉ huy trưởng công trường; người chỉ huy công trường nhất thiết phải có phù hiệu riêng để nhận biết, người làm việc trên đường phải mặc trang phục bảo hộ lao động theo quy định.

c) Các xe máy thi công trên đường phải có đầy đủ thiết bị an toàn và đăng ký biển số theo quy định của pháp luật; ngoài giờ thi công, xe máy thi công phải được tập kết vào bãi. Trường hợp không có bãi tập kết, phải đưa vào sát lề đường, tại những nơi dễ phát hiện và có biển báo hiệu cho người tham gia giao thông trên đường nhận biết; xe máy thi công hư hỏng phải tìm mọi cách đưa sát vào lề đường và phải có báo hiệu theo quy định.

d) Vật liệu thi công.

- Vật liệu thi công chỉ được đưa ra đường đủ dùng từ 2 (hai) đến 3 (ba) đoạn thi công và chiều dài để vật liệu không kéo dài quá 300 (ba trăm) mét. Phải để vật liệu ở một bên lề đường, không được để song song cả hai bên làm thu hẹp nền, mặt đường.

- Trước đợt mưa lũ phải thi công dứt điểm, thu dọn hết vật liệu thừa trên đường và phải có phương án bảo đảm an toàn giao thông trong trường hợp xảy ra sự cố cầu, đường do mưa lũ gây ra trong phạm vi mặt bằng được giao thi công và phải gửi phương án đảm bảo an toàn giao thông cho đơn vị quản lý đường bộ địa phương để phối hợp.

- Nghiêm cấm để các loại vật liệu tràn lan gây cản trở giao thông hoặc chảy ra mặt đường gây trơn trượt mất an toàn giao thông và ô nhiễm môi trường hoặc đốt nhựa đường trên đường ở những nơi đông dân cư.

Điều 25. Thi công ở nền đường, mặt đường, mặt cầu

Khi thi công ở nền đường, mặt đường, mặt cầu phải dành lại phần nền đường, mặt đường, mặt cầu để cho xe và người đi bộ qua lại, cụ thể như sau:

1. Mặt đường, mặt cầu rộng từ 3 (ba) làn xe trở xuống phải để ít nhất 1(một) làn xe.

2. Mặt đường, mặt cầu rộng từ 4 (bốn) làn xe phải để ít nhất 2 (hai) làn xe.

3. Trường hợp không đủ bề rộng 1(một) làn xe hoặc có nguy cơ gây ùn tắc giao thông, phải làm đường tránh, cầu tạm. Với trường hợp tuyến đường độc đạo, mặt đường thi công hẹp không thỏa mãn các điều kiện thực tế nêu trên, có nguy cơ cao gây ách tắc giao thông trong khu vực thi công, phải đề xuất phương án đảm bảo giao thông ngay từ bước lập dự án (kể cả hỗ trợ bằng đường thủy, đường sắt); Các hạng mục thành phần này phải được triển khai thi công trước, bảo đảm đưa vào khai thác trước khi thi công tuyến chính.

4. Trường hợp đào để mở rộng nền đường, đào đến đâu phải đắp ngay đến đó. Trường hợp thi công trên các đoạn nền đất yếu, đào hạ nền đường, đắp nền cao hơn 2 mét, phải có biện pháp riêng về tổ chức bảo đảm giao thông được tư vấn giám sát và Chủ công trình chấp thuận và cần có biện pháp ứng phó khi gặp trời mưa, thời tiết xấu.

5. Khi thi công móng và mặt đường: Chiều dài mũi thi công không quá 300 mét, các mũi thi công cách nhau ít nhất 500 (năm trăm) mét. Trong mùa mưa lũ, phải hoàn thành thi công dứt điểm từng đoạn sau mỗi ca, mỗi ngày, không để trôi vật liệu ra hai bên đường làm hư hỏng tài sản của nhân dân và gây ô nhiễm môi trường.

6. Trường hợp thi công công ngang đường mà không có đường tránh bảo đảm giao thông, chỉ được thi công tối đa trên 1/2 (một phần hai) bề rộng mặt đường, 1/2 (một phần hai) bề rộng mặt đường còn lại để bảo đảm giao thông. Các đường có lưu lượng xe lớn chỉ được thi công trên 1/3 (một phần ba) chiều rộng mặt đường, 2/3 (hai phần ba) chiều rộng mặt đường còn lại để bảo đảm giao thông. Đối với đường có tiêu chuẩn kỹ thuật từ cấp III trở lên, nếu không đủ hai làn xe bảo đảm giao thông, phải đắp tạm mở rộng để bảo đảm đủ hai làn xe. Đối với đường có tiêu chuẩn kỹ thuật cấp IV, V và cấp VI, nếu không đủ một làn xe bảo đảm giao thông, phải đắp tạm mở rộng để bảo đảm đủ một làn xe. Khi thi công phải có hàng rào hộ lan quanh hố đào và đặt báo hiệu theo quy định về báo hiệu đường bộ hiện hành.

7. Khi thi công trên đường phải có phương án và thời gian thi công thích hợp với đặc điểm của từng loại công trình.

Điều 26. Thi công chặt cây ven đường; thi công sửa chữa cầu, kè, đường ngầm; thi công mở rộng đường lên, xuống bến phà, cầu phao và thi công có sử dụng mìn hoặc có cấm đường

1. Thi công chặt cây ven đường

a) Khi chặt cây ven đường phải có báo hiệu và tổ chức gác hai đầu và bảo đảm khoảng cách an toàn; không cho cây đổ vào lòng đường gây cản trở giao thông. Trường hợp bắt buộc phải cho cây đổ vào lòng đường phải nhanh chóng đưa cây ra sát lề đường; khi chặt cây ở bất kỳ bộ phận nào của đường đều phải đào bỏ rễ cây và hoàn trả lại nguyên trạng bộ phận đường đó.

b) Nghiêm cấm các hành vi lao càn cây, các vật từ trên cao xuống nền, mặt đường.

2. Thi công sửa chữa cầu, kè, đường ngầm

a) Đối với việc thi công sửa chữa cầu, kè, đường ngầm khi vừa thi công sửa chữa, vừa cho xe qua lại phải tiến hành bảo đảm giao thông, cụ thể là lắp đặt biển báo hiệu đường hẹp, biển hạn chế tốc độ, biển báo công trường theo đúng quy định; tổ chức gác chắn và có người điều hành giao thông 24/24 (hai mươi bốn / hai mươi bốn) giờ; vật tư, thiết bị thi công phải để gọn gàng vào bên trong hàng rào ngăn cách giữa phần dành cho thi công với phần dành cho giao thông; hệ thống dẫn điện, nước phục vụ thi công phải thường xuyên được kiểm tra để tránh xảy ra tai nạn.

b) Trường hợp không thể vừa thi công vừa bảo đảm giao thông, nhất thiết phải có đường tránh.

3. Thi công mở rộng đường lên, xuống bến phà, cầu phao

Khi thi công sửa chữa hoặc mở rộng đường lên, xuống bến phà, cầu phao, phải sửa 1/2 (một phần hai) bề rộng của đường, phần còn lại của đường dành cho việc lên, xuống không nhỏ hơn 4 (bốn) mét đối với đường lên, xuống cầu phao; không nhỏ hơn 6 (sáu) mét đối với đường lên, xuống phà và phải có đủ thiết bị an toàn. Trường hợp không đủ bề rộng tối thiểu, không đảm bảo an toàn cho xe lên, xuống phà, cầu phao phải làm bến tạm.

4. Thi công có sử dụng mìn hoặc có cấm đường

Khi thi công có sử dụng mìn phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu nổ và bảo đảm an toàn. Ngoài ra, các trường hợp phải ngăn đường, cấm đường còn phải thực hiện các quy định sau:

a) Mỗi đợt ngăn đường, cấm đường không được kéo dài quá 01 (một) giờ và phải cách nhau ít nhất 04 (bốn) giờ để bảo đảm giao thông thông suốt. Phải bố trí thời gian cấm đường vào giờ thấp điểm;

b) Trong trường hợp cần thiết yêu cầu thời gian ngăn đường, cấm đường quá thời gian quy định tại Điểm a Khoản này phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Đối với các dự án có khối lượng thi công nổ phá mìn lớn, có nhiều gói thầu, nhiều mũi thi công, Chủ đầu tư phải tham khảo ý kiến của chính quyền địa phương về thời gian nổ mìn, thống nhất với cơ quan cấp phép thi công và phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Cấm nổ mìn từ 19 (mười chín) giờ đến 6 (sáu) giờ sáng hôm sau ở những nơi gần khu dân cư.

Điều 27. Thu dọn mặt bằng, hiện trường và tiếp nhận bàn giao

1. Sau khi hoàn thành việc thi công một đoạn dài không quá 01(một) km hoặc 01 (một) cầu, 01 (một) cống; tổ chức, cá nhân thi công phải thu dọn toàn bộ các chướng ngại vật, hoàn trả lại mặt đường để giao thông được thông suốt, an toàn.

2. Trước khi nghiệm thu, bàn giao công trình, phải dọn toàn bộ vật liệu thừa, di chuyển máy móc, thiết bị, thanh thải các chướng ngại vật và sửa chữa các hư hỏng (nếu có) của công trình đường bộ do thi công gây ra.

3. Sau khi hoàn thành các công việc trên, tổ chức, cá nhân thi công báo cáo chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định; đồng thời bàn giao lại hiện trường, mặt bằng thi công cho đơn vị quản lý đường bộ đã bàn giao hiện trường, mặt bằng để thi công. Việc bàn giao phải được lập thành biên bản.

4. Đơn vị quản lý đường bộ phải kiểm tra thực tế hiện trường; nếu phát hiện thấy hiện trường chưa được thu dọn, công trình đường bộ bị hư hỏng do việc thi công gây ra mà không được sửa chữa, trả lại nguyên trạng có quyền từ chối nhận bàn giao hoặc yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổ chức, cá nhân thi công đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật, đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm làm thủ tục tiếp nhận việc bàn giao mặt bằng, hiện trường và tổ chức quản lý, bảo trì theo quy định.

Điều 28. Công trình đã hoàn thành thi công nhưng chưa nghiệm thu, bàn giao công trình

1. Chủ đầu tư phải khẩn trương hoàn thành công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

2. Đối với công trình thi công trên đường bộ đang khai thác, nhà thầu thi công có trách nhiệm tiếp tục bảo đảm giao thông, an toàn giao thông đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao cho đơn vị quản lý tuyến đường.

3. Đối với công trình thi công là đường chưa khai thác (công trình xây dựng đường mới, tuyến tránh; sửa chữa, cải tạo cầu, đường nhưng có đường công vụ phục vụ thi công), nhà thầu thi công có trách nhiệm bảo vệ công trình, không cho các phương tiện tham gia giao thông khi chưa có lệnh thông xe và chịu toàn bộ trách nhiệm có liên quan cho tới khi bàn giao cho đơn vị quản lý.

Điều 29. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Thỏa thuận và đề nghị cấp giấy phép thi công các công trình có liên quan đến bảo đảm an toàn giao thông nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc nhà thầu trong suốt quá trình thi công, bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong thi công công trình trên đường bộ đang khai thác. Trường hợp nhà thầu vi phạm và đã nhận được kiến nghị của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền nhưng không chấn chỉnh, khắc phục kịp thời, tiếp tục để xảy ra tình trạng mất an toàn giao thông khi thi công, chủ đầu tư xem xét xử phạt theo hợp đồng kinh tế hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền để có biện pháp xử lý thích hợp.

3. Khi ký kết hợp đồng xây dựng, chủ đầu tư phải thỏa thuận với nhà thầu thi công điều, khoản xử phạt vi phạm hợp đồng nếu không thực hiện đầy đủ các quy định về bảo đảm giao thông, an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây mất an toàn và ùn tắc giao thông.

4. Các tổ chức, đơn vị thi công công trình vi phạm bị lập biên bản lần thứ 03 (ba) trở lên trong quá trình thi công 1 (một) công trình hoặc không chấp hành quyết định xử phạt của Thanh tra giao thông sẽ không được tham gia đấu thầu xây dựng các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM QUẢN LÝ, BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 30. Xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, Quốc lộ uỷ thác

1. Trường hợp vi phạm trong phạm vi đất của đường bộ

a) Công nhân tuần đường các Hạt đường thuộc đơn vị quản lý đường bộ phát hiện. Hạt đường có biện pháp yêu cầu đình chỉ ngay hành vi vi phạm, thông báo bằng văn bản, điện thoại và phối hợp với UBND cấp xã để lập biên bản vi phạm hành chính, yêu cầu chấm dứt các hành vi vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra và xử lý theo thẩm quyền; đồng thời phải báo ngay về đơn vị quản lý đường bộ để có biện pháp tạm thời nhằm bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ công trình đường bộ. Đơn vị quản lý đường bộ trực tiếp có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương để áp dụng các biện pháp ngăn chặn như: Tạm giữ dụng cụ, phương tiện để thi công; trục xuất đối tượng vi phạm ra khỏi phạm vi thi công.

b) Sau khi lập biên bản vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ phải lập hồ sơ vi phạm gửi Thanh tra giao thông đồng thời thông báo bằng điện thoại đề nghị phối hợp theo dõi, xử lý vi phạm kịp thời theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp vi phạm vượt quá thẩm quyền của UBND cấp xã hoặc UBND cấp xã chưa xử lý xong vi phạm. Đơn vị quản lý đường bộ thông báo và phối hợp cùng Thanh tra giao thông và UBND cấp xã kiểm tra vi phạm để Thanh tra giao thông lập biên bản vi phạm hành chính. Biên bản vi phạm hành chính thể hiện sơ đồ vị trí, mức độ vi phạm. Biên bản phải có đầy đủ chữ ký theo quy định. Trường hợp đối tượng vi phạm không ký biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ lý do và có xác nhận của chính quyền địa phương vào biên bản, hoặc của 02 (hai) người chứng kiến.

d) Giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

đ) Đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc chấp hành biên bản vi phạm hành chính và quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nếu tổ chức, cá nhân vi phạm chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành

chính, tự giác khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra thì đơn vị quản lý đường bộ hoàn thiện hồ sơ bàn giao cho UBND cấp xã theo dõi, quản lý.

e) Trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm không chấp hành quyết định xử phạt hành chính và không tự giác tháo dỡ vi phạm, hoặc đã chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng không tự giác tháo dỡ. Đơn vị quản lý đường bộ chủ trì, phối hợp với Thanh tra giao thông và UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ vi phạm hành lang an toàn đường bộ kiến nghị UBND cấp huyện ra quyết định cưỡng chế và tổ chức lực lượng cưỡng chế, giải toả. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà đối tượng vi phạm không tự nguyện chấp hành, UBND cấp huyện phải tổ chức cưỡng chế, giải toả. Sau khi cưỡng chế giải toả lập biên bản bàn giao cho UBND cấp xã theo dõi, quản lý. Đơn vị quản lý đường bộ phải tổ chức thường xuyên kiểm tra, phối hợp với UBND cấp xã ngăn chặn việc tái lấn chiếm sau khi giải toả.

f) Trường hợp UBND cấp huyện không ra quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế giải toả vi phạm đất của đường bộ thì Đơn vị quản lý đường bộ có văn bản báo cáo Sở Giao thông vận tải để báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc không phối hợp xử lý, giải toả vi phạm.

2. Trường hợp vi phạm trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ

a) Công nhân tuần đường các Hạt đường thuộc đơn vị quản lý đường bộ phát hiện tiến hành lập biên bản hiện trạng đồng thời thông báo về Hạt đường bộ. Trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện vi phạm, Hạt đường bộ thông báo bằng văn bản đến UBND cấp xã và phối hợp với UBND cấp xã để lập biên bản vi phạm hành chính, yêu cầu chấm dứt các hành vi vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra và xử lý theo thẩm quyền;

b) Sau khi lập biên bản vi phạm, UBND cấp xã phải lập hồ sơ vi phạm và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính đồng thời yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng vi phạm, tháo dỡ công trình vi phạm, hoàn trả lại mặt bằng như ban đầu. Trường hợp vi phạm vượt quá thẩm quyền của UBND cấp xã, UBND cấp xã gửi hồ sơ vi phạm đến UBND cấp huyện đề nghị xử lý vi phạm.

c) Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị xử lý vi phạm của UBND cấp xã; trong vòng 03 ngày, UBND cấp huyện có trách nhiệm chủ trì và cùng với UBND cấp xã tổ chức lập biên bản vi phạm hành chính.

d) Giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Theo quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính.

đ) UBND cấp xã có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc chấp hành biên bản vi phạm hành chính và quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nếu tổ chức, cá nhân vi phạm chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tự giác khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra thì UBND cấp xã hoàn thiện hồ sơ để theo dõi, quản lý.

e) Trường hợp đối tượng vi phạm không chấp hành quyết định xử phạt hành chính và không tự giác tháo dỡ vi phạm, hoặc đã chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng không tự giác tháo dỡ. UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ vi phạm hành lang an toàn đường bộ kiến nghị:

- Kiến nghị UBND cấp huyện ra quyết định cưỡng chế và tổ chức lực lượng cưỡng chế, giải toả. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà đối tượng vi phạm không tự nguyện chấp hành, UBND cấp huyện phải tổ chức cưỡng chế, giải toả. Sau khi cưỡng chế giải toả lập biên bản bàn giao cho UBND cấp xã theo dõi, quản lý. UBND cấp xã phải theo dõi, ngăn chặn việc tái lấn chiếm sau khi giải toả.

f) Đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc công tác xử lý vi phạm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong suốt quá trình. Trường hợp UBND cấp huyện, xã không ra quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế giải toả vi phạm hành lang an toàn đường bộ theo thẩm quyền của mình thì Đơn vị quản lý đường bộ có văn bản báo cáo Sở Giao thông vận tải để báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. UBND cấp huyện, xã chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc không xử lý, giải toả vi phạm.

Điều 31. Xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng đường huyện, đường đô thị, đường xã

1. UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức lực lượng thường xuyên kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời vi phạm hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường theo phân cấp quản lý tại Điều 5 của Quy định này.

2. Khi nhận được thông tin về vi phạm hành lang an toàn đường bộ trên tuyến đường được phân cấp quản lý, UBND cấp huyện, cấp xã phải cử lực lượng kiểm tra kịp thời để có biện pháp phối hợp xử lý theo thẩm quyền.

Quy trình xử lý vi phạm như quy trình xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đối với đường tỉnh.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 32. Trách nhiệm của đơn vị quản lý đường bộ

1. Phải thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi xâm phạm và sử dụng trái phép công trình giao thông và hành lang an toàn giao thông đường bộ. Đồng thời phải có trách nhiệm chính trong công tác quản lý và bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.

2. Phối hợp với chính quyền địa phương cắm mốc xác định phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn giao thông đường bộ, lập hồ sơ bàn giao cho UBND cấp xã quản lý.

3. Chỉ đạo các Hạt đường thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi lấn, chiếm và sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ. Khi phát

hiện vi phạm phải thực hiện đúng quy trình xử lý vi phạm quy định tại Điều 30 Quy định này. Thường xuyên kiểm tra phát hiện các công trình nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ có ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và an toàn giao thông đường bộ, yêu cầu chủ công trình, chủ sử dụng phải khắc phục kịp thời. Trường hợp chủ công trình, chủ sử dụng không tự giác thực hiện, đơn vị quản lý đường bộ phải lập hồ sơ kiến nghị UBND có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Hàng tháng xây dựng kế hoạch phối hợp với Thanh tra giao thông, UBND cấp xã và đề nghị UBND cấp xã giải toả đối với các công trình vi phạm trong phạm vi đất của đường bộ.

5. Chủ trì, phối hợp với Thanh tra giao thông và UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ vi phạm để kiến nghị UBND cấp huyện ra quyết định cưỡng chế và tổ chức thực hiện cưỡng chế giải toả vi phạm hành lang an toàn đường bộ đối với hành vi xây dựng công trình trong phạm vi đất của đường bộ. Hồ sơ vi phạm gồm:

- Biên bản của công nhân tuần đường;
- Biên bản vi phạm hành chính do Thanh tra giao thông phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, chính quyền địa phương lập;
- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;
- Biên bản phúc tra việc chấp hành Quyết định xử phạt do Thanh tra giao thông, đơn vị quản lý đường bộ, chính quyền địa phương lập;
- Văn bản đề nghị cưỡng chế giải toả vi phạm của đơn vị quản lý đường bộ.

6. Bàn giao mặt bằng thi công cho các tổ chức cá nhân được cấp phép thi công trên đường bộ đang khai thác. Trực tiếp giám sát việc thực hiện phạm vi thi công, các quy định đảm bảo an toàn giao thông tại Quy định này và trong Giấy phép thi công. Phát hiện, ngăn chặn, lập biên bản và báo cáo kịp thời với cơ quan quản lý đường bộ việc các tổ chức cá nhân vi phạm các quy định trong khi thi công hoặc quá trình thi công gây ảnh hưởng đến kết cấu và an toàn của công trình đường bộ, hàng cây trồng hai bên đường.

7. Định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo cơ quan quản lý đường bộ về công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ trước ngày mùng 01 của tháng tiếp theo.

8. Lập hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý:

- Hồ sơ quản lý hành lang an toàn bao gồm tình trạng sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ, các công trình ảnh hưởng đến an toàn đường bộ, an toàn giao thông; vi phạm, thời điểm vi phạm và quá trình xử lý vi phạm;
- Hồ sơ đầu nối đường nhánh phải lập riêng để theo dõi và cập nhật bổ sung các vi phạm liên quan đến đầu nối đường nhánh để làm việc với các cấp có thẩm quyền và chính quyền địa phương nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường bộ;

- Lập hồ sơ quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm hồ sơ hoàn công các công trình hạ tầng kỹ thuật nằm trong hành lang an toàn đường bộ, giấy phép thi công và các văn bản liên quan khác.

9. Thực hiện việc khoán công tác quản lý với người lao động trên từng Km với các nội dung công việc cụ thể, trong đó có việc quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và hành lang an toàn giao thông đường bộ.

Lãnh đạo đơn vị quản lý đường bộ nếu thiếu trách nhiệm, không kịp thời kiểm tra, phát hiện, báo cáo và xử lý các vi phạm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường quản lý thì tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm, phải chịu một hoặc nhiều hình thức xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Thẩm định hoặc thoả thuận quy hoạch việc xây dựng đối với các dự án liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông.

2. Trình UBND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Tham mưu cho UBND tỉnh các biện pháp, giải pháp thực hiện có hiệu quả công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Chỉ đạo công tác quản lý đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, Quốc lộ uỷ thác; hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND cấp huyện quản lý. Chỉ đạo thực hiện xử lý vi phạm trong phạm vi đất của đường bộ đối với đường tỉnh và Quốc lộ uỷ thác.

5. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh, Quốc lộ uỷ thác.

6. Phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, giải tỏa các công trình trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ các tuyến đường tỉnh, Quốc lộ uỷ thác.

7. Hướng dẫn, kiểm tra việc lập hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường tỉnh, Quốc lộ uỷ thác theo đúng quy định, thời gian.

8. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đơn vị quản lý đường bộ theo các quy định.

9. Chỉ đạo lực lượng Thanh tra giao thông:

- Tiếp nhận hồ sơ vi phạm của đơn vị quản lý đường bộ và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, chính quyền địa phương lập biên bản vi phạm hành chính, hoàn thiện hồ sơ vi phạm đề nghị chính quyền địa phương cưỡng chế giải toả vi phạm;

- Ban hành quyết định xử phạt. Giao quyết định xử phạt cho UBND cấp xã. Thi hành cưỡng chế khi tổ chức, cá nhân không chấp hành quyết định xử phạt;

- Phối hợp với chính quyền địa phương, đơn vị quản lý đường bộ cưỡng chế giải toả vi phạm;

- Thực hiện gắn trách nhiệm của Thanh tra viên trong việc xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông cho từng tuyến đường.

10. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh, Quốc lộ uỷ thác.

11. Xây dựng kế hoạch ngân sách phục vụ công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải toả vi phạm hành lang an toàn đường bộ, cấm mốc lộ giới đối với hệ thống đường tỉnh, Quốc lộ uỷ thác; thống nhất với Sở Tài chính đưa vào dự toán ngân sách địa phương báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Giám đốc Sở Giao thông vận tải nếu không hoàn thành nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và các hình thức xử lý kỷ luật theo Nghị định 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ công chức.

Điều 34. Trách nhiệm của công an tỉnh

1. Chỉ đạo các lực lượng công an thực hiện công tác tuần tra, kiểm soát, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, các đơn vị quản lý đường bộ trên địa bàn xây dựng kế hoạch, phương án bảo đảm an ninh, trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng phục vụ giải toả, cưỡng chế vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

Điều 35. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Chỉ đạo UBND cấp xã và các cơ quan chuyên môn trực thuộc thường xuyên thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông và các lực lượng liên quan xử lý kịp thời theo thẩm quyền các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường tỉnh, Quốc lộ uỷ thác.

2. Chủ trì, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác cưỡng chế, giải toả vi phạm căn cứ vào các hồ sơ vi phạm và văn bản đề nghị giải toả của đơn vị quản lý đường bộ để lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng tái lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ. Thời gian tiến hành giải toả chậm nhất là sau 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ vi phạm theo Khoản 5 Điều 32 Quy định này.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và giáo dục nhân dân các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật, điều tra xử lý kịp thời các trường hợp bị phá hoại, mất tài sản đường bộ: hệ thống báo hiệu, cây xanh trồng hai bên đường; vi phạm lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

5. Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp quản lý, xử lý vi phạm theo Điểm b, Khoản 2, Điều 5; quản lý, lập quy hoạch các điểm đầu nối trên địa bàn huyện vào đường tỉnh thỏa thuận với Sở Giao thông vận tải và ra quyết định phê duyệt.

6. Sử dụng đúng ngân sách nhà nước cấp hàng năm để thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị; tổ chức cắm mốc lộ giới đối với các tuyến đường quản lý.

7. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, dịch họa.

8. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị theo đúng quy định hiện hành.

Chủ tịch UBND cấp huyện nếu không hoàn thành nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, không chỉ đạo tổ chức cưỡng chế giải tỏa vi phạm phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và các hình thức xử lý kỷ luật theo Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ công chức.

Điều 36. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Thực hiện các nội dung có liên quan đến trách nhiệm xử lý vi phạm được quy định tại Điều 30, Điều 31, Điều 32 của Quy định này.

2. Chỉ đạo các lực lượng tích cực, thường xuyên thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường thuộc địa bàn. Phát hiện và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông và các lực lượng liên quan kiểm tra, lập biên bản và xử lý vi phạm kịp thời theo thẩm quyền các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường.

3. Huy động lực lượng tham gia công tác cưỡng chế, giải tỏa vi phạm hành lang an toàn đường bộ theo kế hoạch của UBND cấp huyện và đơn vị quản lý đường bộ.

4. Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ trong việc quản lý, bảo vệ và chăm sóc cây xanh hai bên đường; điều tra, xử lý khi bị phá hoại, mất mát theo quy định pháp luật.

5. Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các văn bản về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông để nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về giao thông trong các tầng lớp nhân dân.

6. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ. Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới, hành lang an toàn đường bộ.

7. Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn cấp xã quản lý.

8. Sử dụng đúng ngân sách nhà nước cấp hàng năm để thực hiện việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã; cấm mốc lộ giới đối với đường xã.

9. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa để đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn.

10. Thực hiện việc cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường xã theo đúng quy định hiện hành.

Chủ tịch UBND cấp xã nếu thiếu trách nhiệm, không xử lý các vi phạm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn quản lý thì tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm, phải chịu một hoặc nhiều hình thức xử lý trách nhiệm theo quy định của Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ công chức.

Điều 37. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu đường chuyên dùng

1. Chỉ đạo thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường quản lý. Phát hiện và phối hợp với Thanh tra giao thông, chính quyền địa phương và các lực lượng liên quan kiểm tra, lập biên bản và xử lý vi phạm kịp thời theo thẩm quyền các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường.

2. Huy động lực lượng tham gia công tác cưỡng chế, giải toả vi phạm hành lang an toàn đường bộ đường chuyên dùng.

3. Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các văn bản về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông để nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về giao thông trong các tầng lớp nhân dân.

4. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

5. Hàng năm bố trí kinh phí để thực hiện việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông; cấm mốc lộ giới đối với các tuyến đường quản lý.

6. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa để đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn.

Điều 38. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn các cơ quan thẩm định khi phê duyệt các dự án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng công trình, báo cáo kinh tế kỹ thuật và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Đối với các dự án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa bám ven các Quốc lộ ủy thác, đường tỉnh trước khi phê duyệt phải có ý kiến tham gia bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải hàng năm bố trí nguồn ngân sách để thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ, kinh phí tổ chức giải tỏa vi phạm về hành lang an toàn đường bộ.

b) Kiểm tra việc sử dụng Ngân sách Nhà nước cho việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền, đối với các công trình xây dựng mới quy hoạch nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định; hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong đô thị.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc quản lý, bảo vệ hành lang chông lấn giữa giao thông - thủy lợi; khi đầu tư xây dựng các kênh, mương thủy lợi thực hiện theo đúng điểm đ, khoản 2, Điều 6 Quy định này, thỏa thuận với Sở Giao thông vận tải trước khi phê duyệt và triển khai xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm rà soát, thống kê việc cấp đất trong và ngoài hành lang đường bộ, các tồn tại về sử dụng đất trong phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ, đường sắt giai đoạn 2014-2020. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải kiểm tra việc thực thi các quy định của pháp luật về đất đai liên quan đến quản lý, sử dụng và bảo vệ hành lang an toàn đường bộ. Kiểm tra, hướng dẫn các địa phương thực hiện đúng các quy định của pháp luật liên quan đến quản lý đất đai nằm trong hành lang an toàn đường bộ.

6. Sở Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch; chợ, hệ thống kinh doanh xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ khác dọc theo đường bộ tuân thủ theo các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành có liên quan và địa phương tham mưu với cấp có thẩm quyền điều chỉnh hoặc xoá bỏ theo quy hoạch hệ thống kinh doanh xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ thương mại khác theo thẩm quyền.

7. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng công trình viễn thông tuân thủ Quy định này và các quy định có liên quan.

8. Sở Văn hóa thể thao và du lịch có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo tạm thời trong và ngoài hành lang an toàn giao thông đường bộ tuân thủ đúng quy định tại Điều 9 Quy định này và các quy định có liên quan.

9. Đài phát thanh và truyền hình Hải Dương, Báo Hải Dương; Đài phát thanh ở cấp xã có trách nhiệm dành thời lượng đăng tải và thường xuyên phổ biến, tuyên truyền Quy định này và các quy định có liên quan đến quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

10. Các Sở, ban ngành khác căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện; phối hợp Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các tổ chức cá nhân tuân thủ Quy định này.

Điều 39. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và các cơ quan khác có liên quan

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ, đơn vị quản lý đường bộ hoặc UBND nơi gần nhất các hành vi vi phạm về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Các Hội, Đoàn thể trên địa bàn tỉnh thường xuyên tuyên truyền và phối hợp các cơ quan hữu quan tuyên truyền các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tới các hội viên, đoàn viên và toàn thể nhân dân.

Điều 40. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh bổ sung, sửa đổi cho phù hợp. / *mech*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

PHỤ LỤC 1

Cấp đường tỉnh theo Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Hải Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 03 / 2016/QĐ-UBND ngày 13 / 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

STT	Tên đường	Cấp đường Quy hoạch đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
1	ĐT 388	III
2	ĐT 389	
	- Km 0+000 - Km 16+000	II
	- Km 16+000 - Km 26+400	III
3	ĐT 389B	III
4	ĐT 390	III
5	ĐT 390B	III
6	ĐT 391	III
7	ĐT 392	III
8	ĐT 392B	III
9	ĐT 392C	III
10	ĐT 393	III
11	ĐT 394	III
12	ĐT 394B	III
13	ĐT 395	III
14	ĐT 396	III
15	ĐT 396B	III
16	ĐT 398	
	- Nhánh Chu Văn An	IV
	- Nhánh Đông Việt	III
	- Nhánh Kiếp Bạc	Quy hoạch riêng
17	ĐT 398B	
	- Km 0+000 (giao QL18) đến Km 9+500	III
	- Nhánh giao QL18, TX. Chí Linh - Giao ĐT 389B quy hoạch	I
18	ĐT 399 (giai đoạn 2010-2020)	III
	ĐT 399 (giai đoạn 2021 – 2030)	II